



fú qi
福气

Noun · happy lot; good fortune

Example Sentences

nǐ yǒu fú qì
你有福气。

You have good fortune.

néng yōng yǒu rú cǐ hé mù de jiā tíng zhēn shì tiān dà de fú qì
能拥有如此和睦的家庭，真是天大的福气。

To have such a harmonious family is truly a great blessing.

néng chī dào mā ma zuò de fàn zhēn shì fú qì
能吃到妈妈做的饭，真是福气。

It's a blessing to be able to eat the food my mom cooks.

Trace each character, then write the word on your own.

福	福	福	福	福	福	福	福	福	福	福
福	福	福	福	福						
气	气	气	气	气	气	气				